

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03-6-2024
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ngải.

Ông Trần Anh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhanh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thúy K, sinh năm: 1991 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Thạch Thanh L, sinh năm: 1982 (Vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ: ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-8-2023, bản tự khai ngày 09-11-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thúy K trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Thạch Thanh L đi đến hôn nhân do tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 15-6-2009. Nữ trang cưới có một đôi bông tai 01 chỉ và một chiếc nhẫn cưới 05 phân (Loại vàng 18K), nhưng quá trình chung sống vợ chồng đã thống nhất bán để sử dụng chung nên hiện không còn. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng không còn hợp nhau, rất hay cự cãi mọi việc trong cuộc

sống hàng ngày, trong đi lại, giao tiếp bạn bè, công việc làm ăn, không còn quan tâm nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay mà không hàn gắn lại được. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên nay bà khởi kiện xin được ly hôn với ông Thạch Thanh L.

Về con chung: Bà và ông Thạch Thanh L có 02 người con chung là Thạch Thị Yến N, sinh ngày 25-7-2006 và Thạch Thị Thảo L1, sinh ngày 25-5-2008, đều đang sống chung với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con và chưa yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Bà xác định ngoài những giấy tờ đã nộp kèm đơn khởi kiện, thì bà không nộp thêm chứng cứ gì để Tòa án xem xét. Năm 2024 hộ gia đình bà không còn thuộc diện hộ cận nghèo của địa phương nữa.

Đối với bị đơn ông Thạch Thanh L: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông L đều vắng mặt không lý do, nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Qua xác minh với chính quyền địa phương ấp R, xã N cho biết ông L có đăng ký thường trú tại địa phương, ông L và vợ là bà Huỳnh Thị Thúy K cất nhà sống riêng tự lập ở sát bên nhà cha mẹ ruột bà K tại ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông L đến tham dự phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai, nhưng ông L tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Tại 02 Đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt ngày 12-11-2023 và ngày 15-02-2024, con chung là hai cháu Thạch Thị Yến N, Thạch Thị Thảo L1 cùng trình bày: Cha mẹ hai cháu là Thạch Thanh L và Huỳnh Thị Thúy K. Trường hợp cha mẹ ly hôn, thì nguyện vọng của hai cháu là muốn được sống chung với mẹ, vì sống với mẹ đã quen.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà K và bị đơn ông L đều vắng mặt, nên không có lời trình bày thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng về thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã

thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thúy K: Cho bà K được ly hôn với ông Thạch Thanh L; Về con chung là Thạch Thị Yến N, sinh ngày 25-7-2006 và Thạch Thị Thảo L1, sinh ngày 25-5-2008 giao cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung là muốn sống chung với mẹ; Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà K chưa đặt ra yêu cầu, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, V đề nghị nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Huỳnh Thị Thúy K là nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Thạch Thanh L là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến tham dự các phiên làm việc tại Tòa, nhưng ông L đều vắng mặt không lý do; Ngày 24-5-2024, Tòa án triệu tập hợp lệ ông L đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông L vắng mặt không lý do; Ngày 03-6-2024, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với ông L đến tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông L vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về hôn nhân*: Xét thấy bà Huỳnh Thị Thúy K và ông Thạch Thanh L xác lập quan hệ hôn nhân do quen biết và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 15-6-2009, nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian dài chung sống hạnh phúc, đến năm 2022, giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn. Bà K cho rằng nguyên nhân do vợ chồng không còn hợp nhau, rất hay cự cãi mọi việc trong cuộc sống hàng ngày, trong đi lại, giao tiếp bạn bè, công việc làm ăn, không còn quan tâm nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên vợ chồng đã tự sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2023 đến nay mà không hàn gắn lại được; Do tình cảm vợ chồng không còn, nên bà K cương quyết xin được ly hôn với ông L. Đối với ông Thạch Thanh L, Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo mời hòa giải cho ông ký nhận qua địa chỉ nơi làm việc mà ông cung cấp cho Tòa án, nhưng ông không đến Tòa vào ngày giờ đã mời; Tòa án tiếp tục

mời làm việc, người thân của ông L có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa để chuyển lại cho ông L; Ông L biết việc bà K khởi kiện ly hôn với ông, nhưng ông vẫn không đến Tòa, không cung cấp lời khai, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh khả năng hàn gắn hôn nhân giữa ông với bà K.

[3] Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Do đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Bà K, ông L xác lập hôn nhân từ năm 2006 (là năm làm lễ cưới), có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian dài (đến năm 2022). Quá trình sống chung, có những lúc chưa thống nhất về quan điểm cuộc sống, về cách ứng xử giao tiếp với nhau, đáng lẽ ra ông bà phải biết tự điều chỉnh hành vi bản thân, xử sự có lý, có tình, cùng góp ý, tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống hôn nhân một cách tốt đẹp nhất, để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, khi bất hòa xảy ra, vợ, chồng không kiềm chế được hành vi và cách cư xử của bản thân, dẫn đến cự cãi, tự ý sống ly thân, bỏ mặc nhau không quan tâm, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và dần mất đi.

[4] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”. Nhưng bà K và ông L đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau.

[5] Theo các Biên bản xác minh cùng ngày 23-4-2024 của Tòa án với chính quyền địa phương ấp R, xã N và với người thân của ông Thạch Thanh L cho biết: Ông L là người ở địa phương khác. Sau ngày cưới, vợ chồng bà K, ông L về sinh sống bên quê của bà K (tại ấp R), cất nhà ở sát bên nhà cha mẹ bà K. Về mâu thuẫn cụ thể trong cuộc sống chung giữa hai người thì chính quyền địa phương không nắm rõ, nhưng có biết giữa bà K với ông L đã có thời gian dài sống ly thân nhau; Quá trình sinh sống tại địa phương, bà K, ông L không tranh chấp tài sản chung với nhau hoặc với ai, không tranh chấp hay khiếu nại gì về nợ chung với ai; Hộ gia đình bà K, ông L vào năm 2024 không còn thuộc diện hộ nghèo hay cận nghèo của địa phương. Đối với người thân của ông L cho rằng do bà K có tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến xảy ra mâu thuẫn với ông L, rồi bà K tự ý bỏ nhà đi và sống ly thân với ông L. Nay đối với việc bà K xin ly hôn với ông L, thì họ không ý kiến, mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[6] Tại Biên bản tiếp xúc ngày 02-5-2024 của Tòa án với bà Phạm Thị T (Mẹ ruột của bà K) cho biết: Quá trình bà K với ông Lâm chung sống có mâu thuẫn thế nào bà không rõ, nhưng có biết giữa hai con thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau hơn 01 năm nay. Thời gian hai con sống ly thân, gia đình hai bên cũng có động viên nhưng hai con vẫn không hàn gắn được. Hiện bà K và ông L mỗi người một nơi, không còn quan tâm nhau. Đề nghị Tòa án

xem xét giải quyết cho hai con được ly hôn theo quy định pháp luật, vì nếu hàn gắn được thì hai con đã hàn gắn lại từ lâu. Về hai người con chung của ông L với bà K đã có ý kiến muốn sống chung với bà K; Thời gian ông L với bà K đi làm ăn ở xa, thì hai cháu của bà vẫn ở tại nhà của cha mẹ, hai cháu cũng đã lớn, lo cho nhau được, bà ở sát bên cũng tới lui trông nom hai cháu ngoại. Tại địa phương bà K, ông L không tranh chấp tài sản hay nợ chung gì với ai.

[7] Tòa án đã tiến hành mời hòa giải đoàn tụ vào các ngày 29-11-2023, 15-02-2024 để bà K, ông L có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng ông L đều vắng mặt không lý do. Thể hiện ông L không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà K.

[8] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng bà K, ông L đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Việc bà K xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn với ông L là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu, cho bà K được ly hôn với ông L.

[9] *Về con chung*: Bà Huỳnh Thị Thúy K và ông Thạch Thanh L có hai người con chung tên Thạch Thị Yến N, sinh ngày 25-7-2006 và Thạch Thị Thảo L1, sinh ngày 25-5-2008. Tại 02 Đơn tự khai và yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt ngày 12-11-2023 và ngày 15-02-2024, hai cháu Yến N và Thảo L1 đều nêu nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Và xét thực tế thời gian qua, hai cháu Yến N, Thảo L1 ở tại nhà chung của cha mẹ tại ấp R, xã N, được bà K và gia đình bên ngoại hỗ trợ chăm sóc tốt, đảm bảo sức khỏe, việc học hành. Do đó, cần xử cho bà K được quyền nuôi con là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp nguyện vọng của hai con chung. Vì bà K chưa đặt ra yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[10] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đối với bà Huỳnh Thị Thúy K xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, đối với ông Thạch Thanh L không có lời khai, không cung cấp chứng cứ liên quan, không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[11] *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Bà Huỳnh Thị Thúy K xác định quá trình chung sống bà và ông Thạch Thanh L không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu giải quyết. Đối với ông L đều vắng mặt không lý do tại các phiên mời làm việc tại Tòa, nên không có lời trình bày của ông về xác định nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chưa có cơ sở xem xét.

[12] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Tại thời điểm bà Huỳnh Thị Thúy K nộp đơn khởi kiện, bà có đơn xin miễn tạm ứng án phí kèm theo bản sao chứng thực Giấy chứng nhận hộ cận nghèo năm 2023, nên được Tòa án chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí cho bà. Nhưng hiện nay qua xác minh với chính quyền địa phương và xác nhận của bà K thì năm 2024 hộ gia đình bà không còn thuộc diện hộ

cận nghèo nữa. Vì vậy, bà K có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[13] Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thúy K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Thúy K được ly hôn với ông Thạch Thanh L.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Thạch Thị Yến N, sinh ngày 25-7-2006 và Thạch Thị Thảo L1, sinh ngày 25-5-2008 cho bà Huỳnh Thị Thúy K nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung là muốn được sống chung với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Thị Thúy K chưa đặt ra yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị Thúy K và ông Thạch Thanh L không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thúy K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Nhị Long;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo